BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH GIAI ĐOẠN 2011 – 2015 VÀ ĐỊNH HƯỚNG ĐẾN NĂM 2020

TP. Hồ Chí Minh, Tháng 12/2011

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM

THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH GIAI ĐOẠN 2011 – 2015 VÀ ĐỊNH HƯỚNG ĐẾN NĂM 2020

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP. HỒ CHÍ MINH

PGS.TS. Nguyễn Hay

TP. Hồ Chí Minh, Tháng 12/2011

MỤC LỤC

MỤC LỤC ..... **iii**
DANH SÁCH CÁC BẢNG ..... **vi**
Chương 1. MỞ ĐẦU **1**
1.1. MỤC ĐÍCH VÀ Ý NGHĨA CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP. HCM 1
1.2. HỆ THỐNG VĂN BẢN, CƠ SỞ PHÁP LÝ 2
1.3. CƠ SỞ THỰC TIỄN 3
Chương 2. CĂN CỨ ĐỊNH HƯỚNG **4**
2.1. THỰC TRẠNG QUẢN LÝ GIÁO DỤC ĐẠI HỌC VIỆT NAM 4
2.2. THỰC TRẠNG GIÁO DỤC VIỆT NAM NHỮNG NĂM ĐẦU THẾ KỶ 21 6
2.2.1. Những thành tựu 6
2.2.2. Những yếu kém 7
2.3. CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC GIAI ĐOẠN 2011 – 2020 8
2.3.1. Các quan điểm chỉ đạo phát triển giáo dục 8
2.3.2. Các mục tiêu chiến lược giai đoạn 2011 – 2020 8
2.3.3. Các giải pháp chiến lược 9
2.4. CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA 10
Chương 3. BỐI CẢNH XÃ HỘI VÀ THỰC TRẠNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP. HỒ CHÍ MINH **11**
3.1. PHÂN TÍCH DỰ BÁO PHÁT TRIỂN CÁC LĨNH VỰC KINH TẾ XÃ HỘI VÀ NHU CẦU NGUỒN LỰC 11
3.1.1. Vai trò của Trường Đại học Nông Lâm TP. HCM đối với phát triển kinh tế xã hội và cung cấp nguồn nhân lực cho ngành, vùng 11
3.1.2. Xu thế phát triển các lĩnh vực kinh tế xã hội, khoa học công nghệ liên quan đến các hoạt động chuyên môn của Trường Đại học Nông Lâm TP. HCM 12
3.1.3. Phân tích các dự báo, định hướng chiến lược phát triển của nhà nước liên quan đến lĩnh vực chuyên môn của Trường Đại học Nông Lâm TP. HCM 16
3.1.4. Phân tích nhu cầu xã hội về nguồn nhân lực thuộc các lĩnh vực chuyên môn của Trường Đại học Nông Lâm TP. HCM 17
3.1.5. Phân tích vai trò của Trường Đại học Nông Lâm TP. HCM trong

hệ thống giáo dục đại học Việt Nam 18
3.2. THỰC TRẠNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP. HCM 19
3.2.1. Tổng quát 19
3.2.2. Thực trạng đào tạo đại học và sau đại học 21
3.2.3. Thực trạng công tác nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ 30
3.2.4. Thực trạng nguồn nhân lực 37
3.2.5. Thực trạng hợp tác trong nước và quốc tế 41
3.2.6. Thực trạng cơ sở vật chất 45
3.2.7. Thực trạng về tài chính 47
3.2.8. Thực trạng công tác đảm bảo chất lượng 51
Chương 4. QUY HOẠCH PHÁT TRIỂN TỔNG THỂ TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP. HỒ CHÍ MINH ĐẾN NĂM 2020 56
4.1. MỤC TIÊU XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN 56
4.1.1. Mục tiêu chung 56
4.1.2. Mục tiêu cụ thể 56
4.2. CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC VÀ SAU ĐẠI HỌC 57
4.2.1. Mục tiêu của chiến lược 57
4.2.2. Định hướng phát triển 57
4.3. CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN NGHIÊN CỨU KHOA HỌC VÀ CHUYỂN GIAO CÔNG NGHỆ 67
4.3.1. Mục tiêu của chiến lược 67
4.3.2. Định hướng phát triển 67
4.4. CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN TỔ CHỨC VÀ QUẢN LÝ 78
4.4.1. Mục tiêu của chiến lược 78
4.4.2. Các giải pháp của chiến lược 78
4.4.3. Kết quả dự kiến 79
4.5. CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN NGUỒN NHÂN LỰC 81
4.5.1. Mục tiêu của chiến lược 81
4.5.2. Các giải pháp của chiến lược 82
4.5.3. Kết quả dự kiến 82
4.6. CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN HỢP TÁC TRONG NƯỚC VÀ QUỐC TẾ 86
4.6.1. Mục tiêu của chiến lược 86

4.6.2. Định hướng phát triển 86
4.7. CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN CƠ SỞ VẬT CHẤT 88
4.7.1. Mục tiêu chiến lược phát triển cơ sở vật chất 88
4.7.2. Căn cứ xác định quy mô cơ sở vật chất 88
4.7.3. Định hướng phát triển 88
4.7.4. Quy mô phát triển cơ sở vật chất 89
4.7.5. Các giải pháp của chiến lược 93
4.8. CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN TÀI CHÍNH 94
4.8.1. Mục tiêu của chiến lược 94
4.8.2. Định hướng phát triển 94
4.8.3. Các giải pháp của chiến lược 97
4.9. CHIẾN LƯỢC QUẢNG BÁ THƯƠNG HIỆU 98
4.9.1. Mục tiêu chiến lược 98
4.9.2. Các giải pháp chiến lược 98
4.10. CHIẾN LƯỢC VỀ ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG 99
4.10.1. Mục tiêu của chiến lược 99
4.10.2. Các giải pháp của chiến lược 100
4.10.3. Kết quả dự kiến 101
Chương 5. KẾ HOẠCH THỰC HIỆN 102
5.1. KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN ĐÀO TẠO 102
5.2. KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN NGHIÊN CỨU KHOA HỌC 103
5.3. KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TỔ CHỨC QUẢN LÝ 104
5.4. KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN NGUỒN NHÂN LỰC 105
5.5. KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN HỢP TÁC QUỐC TẾ 106
5.6. KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN CƠ SỞ VẬT CHẤT 107
5.6.1. Kế hoạch thực hiện các công trình xây dựng cơ bản 107
5.6.2. Kế hoạch thực hiện mua sắm thiết bị 107
5.7. KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN QUẢNG BÁ THƯƠNG HIỆU 107
5.8. KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN VỀ ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG 108
Chương 6. KẾT LUẬN 109
TÀI LIỆU THAM KHẢO 110

nguồn thu của nhà trường và 25 % vào năm 2020.

4.4. CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN TỔ CHỨC VÀ QUẢN LÝ

Mặt mạnh:

- Sứ mạng và mục tiêu của Trường đã được xác định rõ ràng, phù hợp với chức năng, nhiệm vụ và các nguồn lực của Trường, phù hợp với chiến lược phát triển giáo dục của ngành và đáp ứng nhu cầu của địa phương. Trường có chiến lược và kế hoạch phát triển ngắn hạn, trung hạn phù hợp với sự phát triển kinh tế xã hội của địa phương và cả nước. Hoạt động của tổ chức trong trường dựa trên nguyên tắc tập trung dân chủ, công khai, minh bạch.

- Bộ máy của Nhà trường luôn được cũng cố, tăng cường sức mạnh và điều chỉnh phù hợp với chức năng và nhiệm vụ trong tình hình mới.

- Trách nhiệm và quyền hạn của các thành viên trong trường được phân định rõ ràng. Chủ trương dân chủ hoá trường học bước đầu được thực hiện tốt nên đã tạo được môi trường dân chủ, xây dựng được các mối quan hệ tốt đẹp trong trường.

Tồn tại:

- Trường chưa xây dựng được chiến lược dài hạn và tầm nhìn cho sự phát triển của mình, chưa thực hiện thường xuyên lấy ý kiến phản hồi của các đối tượng ngoài trường (cựu sinh viên, nhà tuyển dụng) để bổ sung, điều chỉnh mục tiêu kế hoạch.

- Trong công tác tổ chức nhân sự việc kiểm tra, đánh giá hiệu quả nhiệm vụ đã phân công cho từng đơn vị cá nhân chưa được tiến hành thường xuyên. Chưa có biện pháp cụ thể để kiểm tra mức độ hoàn thành trách nhiệm được phân công cho cá nhân, tập thể. Việc tổ chức cho cán bộ viên chức đánh giá công tác của cán bộ quản lý các đơn vị chưa được chú ý đúng mức.

4.4.1. Mục tiêu của chiến lược

Xây dựng Bộ môn học thuật mạnh về đội ngũ, trình độ và chuyên môn để đảm trách sứ mệnh đào tạo thạc sỹ, tiến sỹ, nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ.

Nhà trường có cơ cấu tổ chức hợp lý, phân cấp tăng quyền chủ động cho các đơn vị, đảm bảo cho Trường trở thành trung tâm đào tạo, nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ cho khu vực miền Đông Nam bộ, đồng thời đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế.

4.4.2. Các giải pháp của chiến lược

- Từ năm 2010 - 2011, Trường sẽ xây dựng được chiến lược dài hạn và tầm nhìn cho sự phát triển của mình. Trường sẽ xây dựng Quy chế hoạt động của Nhà trường.

- Tiến hành điều chỉnh, sắp xếp bộ máy nhà trường gọn nhẹ hiệu quả để đáp ứng nhiệm vụ trong tình hình mới, ứng dụng có hiệu quả công nghệ thông tin trong công

tác quản lý hành chính.

- Định kỳ thực hiện việc lấy ý kiến phản hồi của các đối tượng trong và ngoài trường, để bổ sung, điều chỉnh mục tiêu.

- Hoàn chỉnh các văn bản về quy định hoạt động cho từng đơn vị trong trường, đồng thời xây dựng quy trình đánh giá hiệu quả công tác của cán bộ quản lý các cấp.

- Kiện toàn bộ máy tổ chức của Trường theo hướng thu gọn đầu mối trực thuộc, phân cấp, tăng quyền, chủ động trong các đơn vị, đảm bảo cho Trường trở thành trung tâm đào tạo và KH - CN đa ngành, đáp ứng yêu cầu hôi nhập quốc tế.

- Tổ chức lại và thành lập mới các đơn vị dịch vụ KH - CN theo cơ chế tự chủ và tự hạch toán theo quy định của Nhà nước.

- Giữ vững sự lãnh đạo Đảng, phát huy vai trò của các tổ chức chính trị - xã hội, thực hiện tốt quy chế dân chủ ở cơ sở trong sự nghiệp xây dựng phát triển Nhà trường.

- Thực hiện tốt công tác thi đua, khen thưởng và kỷ luật để có tác dụng tích cực, hạn chế hiện tượng làm mất đoàn kết nội bộ và làm nảy sinh các tư tưởng tiêu cực trong cán bộ viên chức và người học.

4.4.3. Kết quả dự kiến

Đến năm 2020 bộ máy tổ chức của Trường được sắp xếp lại theo hướng 3 cấp (Trường ĐH/University - College - Bộ môn/Department), tăng quyền chủ động của các đơn vị, tăng hiệu quả và chất lượng đào tạo nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ, đảm bảo cho Trường trở thành trung tâm đào tạo đa ngành, đáp ứng yêu cầu nhân lực của xã hội và yêu cầu hội nhập quốc tế. Muộn nhất đến năm 2020, Trường sẽ trở thành Đại học có 4 trường thành viên (College) bao gồm: **Trường Nông nghiệp**/(College of Agriculture), **Trường Công nghệ** /(College of Technology), **Trường Kinh tế và Phát triển**/(College of Economics and Development), **Trường Khoa học** /(College of Science), **Viện sau đại học**/ (College of Graduate) và **Trung tâm Đào tạo quốc tế và Nghiên cứu Công nghệ cao**/(School of International Training and Advanced Technology Research).

- Đến năm 2015 tất cả các đơn vị dịch vụ KH-CN đều được chuyển đổi theo Nghị Định 15/2005/NĐ/-CP ngày 06 tháng 09 năm 2005 của Chính phủ về việc quy định cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm của tổ chức khoa học và công nghệ công lập.

- Hệ thống chính trị của trường thực hiện nghiêm túc và đầy đủ các chủ trương, nghị quyết của Đảng, pháp luật Nhà nước và điều lệ của tổ chức.

Công tác thi đua khen thưởng và kỷ luật được thực hiện công khai, công bằng và có tác dụng tích cực.

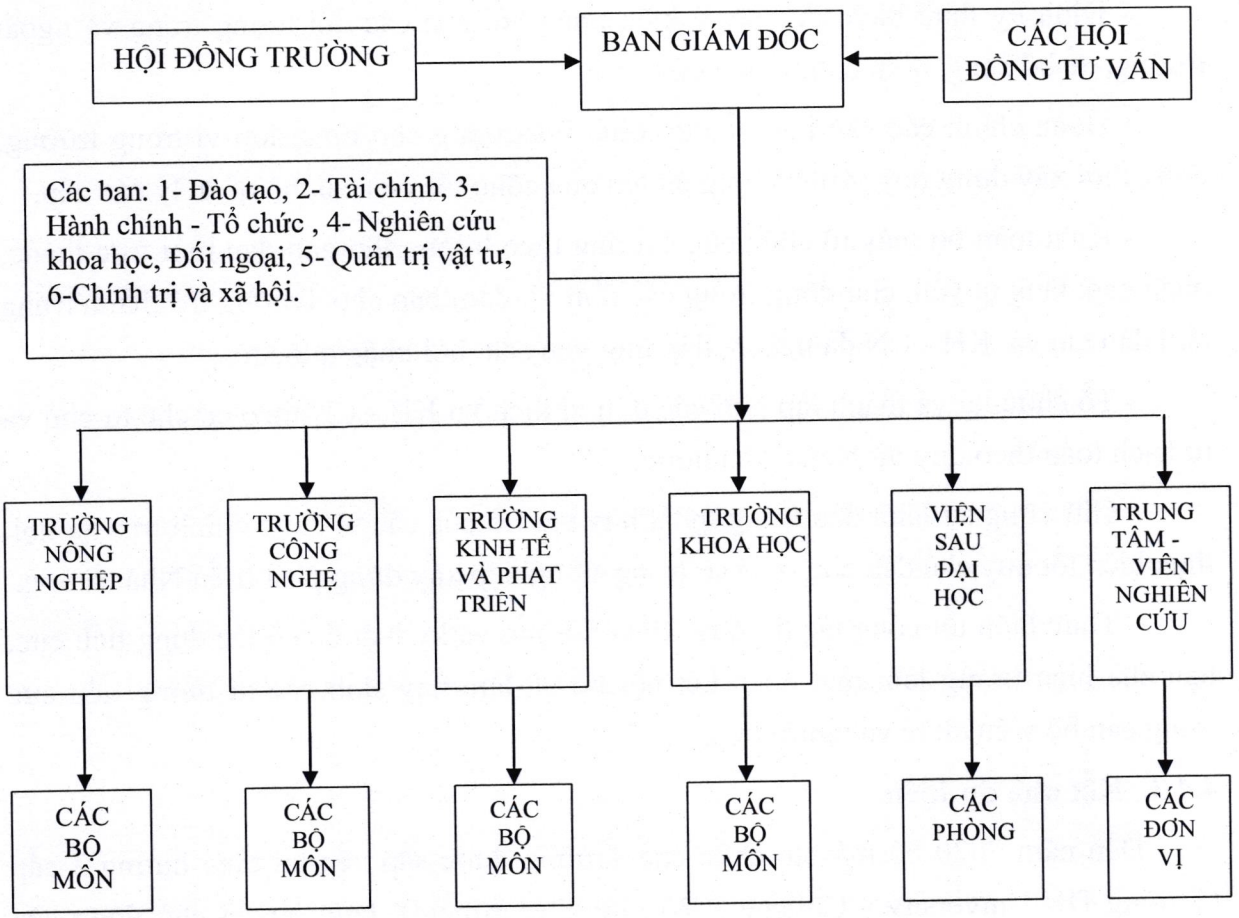

STT	TRƯỜNG NÔNG NGHIỆP	TRƯỜNG CÔNG NGHỆ	TRƯỜNG KINH TẾ VÀ PHÁT TRIỂN	TRƯỜNG KHOA HỌC
1	Bộ môn Di truyền giống động vật	Bộ môn Chế biến lâm sản	Bộ môn Kế toán tài chính	Bộ môn Toán
2	Bộ môn Cơ thể ngoại khoa	Bộ môn Công nghệ Giấy &Bột giấy	Bộ môn Phát triển nông thôn	Bộ môn Hoá
3	Bộ môn Chăn nuôi chuyên khoa	Bộ môn Chế biến thuỷ sản	Bộ môn Kinh tế học	Bộ môn Lý
4	Bộ môn Sinh lý sinh hoá (thực vật)	Bộ môn Công nghệ ô tô	Bộ môn Quản trị kinh doanh	Bô môn Sinh
5	Bộ môn Nông hoá thổ nhưỡng	Bộ môn Công nghệ nhiệt lạnh	Bộ môn Kinh tế Nông Lâm	Bộ môn Giáo dục thể chất
6	Bộ môn Thuỷ nông	Bộ môn Cơ điện tử	Bộ môn Kinh tế tài nguyên môi trường	Bộ môn thực hành Tiếng
7	Bộ môn Di truyền giống	Bộ môn Điều khiển tự động	Bộ môn Kinh tế đất và Bất động sản	Bộ môn Tiếng Anh không chuyên
8	Bộ môn Cây lương thực	Bộ môn Công thôn	Bộ môn Chính sách và pháp luật	Bộ môn Phương pháp giảng dạy

9	Bộ môn Cây công nghiệp	Bộ môn Máy sau thu hoạch và chế biến	Bộ môn Quy hoạch	Bộ môn Văn hoá nước ngoài
10	Bộ môn Bảo vệ thực vật	Bộ môn Kỹ thuật cơ sở	Bộ môn Phát triển sản phẩm	Bộ môn Dịch thuật
11	Bộ môn Sinh lý sinh hoá (động vật)	Bộ môn Công nghệ Sau thu hoạch	Bộ môn Quản lý môi trường và GIS	Bộ môn Tiếng Anh thương mại
12	Bộ môn Quản lý tài nguyên rừng	Bộ môn Kỹ thuật thực phẩm		Bộ môn Ngôn ngữ học
13	Bộ môn Nông lâm kết hợp và Lâm nghiệp xã hội	Bộ môn Vi sinh thực phẩm		Bộ môn Tiếng Pháp
14	Bộ môn Lâm sinh	Bộ môn Công nghệ phần mềm		Bộ môn Lý luận chính trị
15	Bộ môn Quản lý và phát triển nghề cá	Bộ môn Mạng máy tính		Bộ môn Sư phạm kỹ thuật
16	Bộ môn Sinh học thuỷ sản	Bộ môn Hệ thống thông tin		
17	Bộ môn Kỹ thuật nuôi thuỷ sản	Bộ môn Tin học cơ sở		
18	Bộ môn Dinh dưỡng	Bộ môn Công nghệ địa chính		
19	Bộ môn Nội dược	Bộ môn Công nghệ sinh học		
20	Bộ môn Bệnh lý ký sinh	Bộ môn Công nghệ môi trường và Du lịch sinh thái		
21	Bộ môn Vi sinh truyền nhiễm	Bộ môn Cảnh quan và Kỹ thuật hoa viên		
22	Bộ môn Bệnh học thuỷ sản	Bộ môn Công nghệ Hoá		
23	Bộ môn Hoá sinh			
24	Bộ môn Dinh dưỡng người			

4.5. CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN NGUỒN NHÂN LỰC

4.5.1. Mục tiêu của chiến lược

Xây dựng và phát triển đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên, cán bộ quản lý và phục vụ đủ về số lượng, có phẩm chất đạo đức và lương tâm nghề nghiệp, có trình độ chuyên môn cao, phong cách giảng dạy, phục vụ và quản lý tiên tiến, chuyên nghiệp, đáp ứng nhu cầu đào tạo, nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ và phục vụ xã hội.

4.5.2. Các giải pháp của chiến lược

Công tác định biên, tuyển dụng, bố trí - sử dụng, đãi ngộ được thực hiện theo nguyên tắc, nội dung và phương pháp của quản trị nhân lực hiện đại. Chú trọng đánh giá định kỳ các loại nhân lực theo chất lượng và hiệu quả bằng các bộ tiêu chí theo từng vị trí công việc cụ thể làm căn cứ cho việc đề ra chính sách chế độ đãi ngộ.

Thực hiện tốt kế hoạch tuyển dụng tạo nguồn hàng năm dựa trên nghị quyết về công tác cán bộ của Đảng ủy và các quy định của Trường. khẩn trương hoàn thiện công tác quy hoạch cán bộ quản lý. Có kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng giảng viên trẻ để thay thế giảng viên đến tuổi nghỉ hưu hoặc chuyển công tác, đảm bảo không có sự hụt hẫng về chuyên môn ở các khoa.

Đầu tư có trọng điểm và chính sách thu hút nhân tài để phát triển đội ngũ cán bộ đầu đàn, đầu ngành và các chuyên gia vào làm việc hoặc cộng tác trong hoạt động đào tạo, nghiên cứu, hợp tác phát triển, dịch vụ, kinh doanh của Trường. Chăm lo phát triển đội ngũ giáo sư chất lượng cao có thể tham gia giảng dạy Quốc tế.

Có biện pháp hành chính và khuyến khích vật chất trong việc đào tạo đội ngũ giảng viên có trình độ chuyên môn cao. Xây dựng các chuẩn về trình độ ngoại ngữ (chủ yếu là tiếng Anh) và tin học cho cán bộ giảng viên đặc biệt là cán bộ dưới 45 tuổi . Có chính sách thu hút những nhà khoa học có uy tín trong và ngoài nước đến làm việc hoặc công tác với trường trong công tác giảng dạy và nghiên cứu khoa học.

Chú ý đến việc đào tạo và bồi dưỡng nghiệp vụ cho đội ngũ chuyên viên, nghiên cứu viên, kỹ thuật viên đang công tác tại các khoa và các đơn vị hành chính. Đưa các quy định về tiêu chuẩn trong kế hoạch đào tạo và bồi dưỡng đội ngũ này.

Tăng cường liên kết các cơ sở đào tạo, nghiên cứu trong và ngoài nước, để huy động các giáo sư các nhà khoa học có trình độ cao và các chuyên gia nước ngoài (Việt kiều, người nước ngoài) tham gia công tác quản lý, giảng dạy và nghiên cứu của Nhà trường.

4.5.3. Kết quả dự kiến

Quy hoạch và kế hoạch phát triển đội ngũ của từng đơn vị và toàn trường được phê duyệt ngay từ cuối năm 2010, trong đó có đảm bảo các đơn vị có đủ nhân lực để thực hiện các công việc được giao. Đến năm 2020 số lượng cán bộ viên chức của trường là 1634 người, trong đó có 1249 giảng viên cơ hữu, trình độ giảng viên sau đại học chiếm tỷ lệ 80 % trong đó 30 % tiến sĩ, và có ít nhất có 50 % giảng viên chuyên môn giảng dạy được bằng tiếng nước ngoài các bộ môn chuyên môn đều có PGS trong

đó có 20% bộ môn có Giáo sư .

Bảng 4.10 : Nhu cầu đội ngũ cán bộ giảng viên

Chỉ tiêu	Năm 2010		Năm 2015		Năm 2020	
	Số lượng	Cơ cấu (%)	Số lượng	Cơ cấu (%)	Số lượng	Cơ cấu (%)
Giảng viên	632	71,41	1156	74,99	1249	76,44
Quản lý, phục vụ	253	28,59	385	25,01	385	23,56
Tổng số	885	100	1541	100	1634	100

Bảng 4.11 : Cơ cấu học hàm học vị giảng viên cơ hữu

Chỉ tiêu		Năm 2010		Năm 2015		Năm 2020	
		Số lượng	Cơ cấu (%)	Số lượng	Cơ cấu (%)	Số lượng	Cơ cấu (%)
Học hàm	Giáo sư	0	0	3	0,30	12	1,00
	Phó giáo sư	21	3,32	58	5,00	125	10,00
	Giảng viên chính	103	16,30	231	20,00	375	30,00
	Giảng viên	508	80,38	863	74,70	737	59,00
	Tổng số	632	100	1156	100	1249	100
Học vị	Tiến sỹ	111	17,56	277	24,00	375	30,00
	Thạc sỹ	227	35,92	578	50,00	625	50,00
	Kỹ sư	294	46,52	300	26,00	250	20,00
	Tổng số	632	100	1156	100	1249	100

Căn cứ xác định quy mô nguồn nhân lực:

Căn cứ vào tiêu chí số sinh viên quy đổi trên 1 giảng viên quy đổi theo nhóm cơ sở đào tạo theo Quyết định số 693/QĐ-BGDĐT ngày 07/02/2007 về việc hướng dẫn xác định số sinh viên trên giảng viên quy đổi.

- Quy mô sinh viên quy đổi = (Số sinh viên đại học chính quy) + 0,8 x (Số sinh viên cao đẳng chính quy) + 0,5x(Học sinh trung cấp) + 1,5 x (Số học viên cao học) + 2 x (Số nghiên cứu sinh)

- Tổng số giảng viên quy đổi = (Số giảng viên cơ hữu và hợp đồng dài hạn có trình độ đại học) + 1,3 x (Số giảng viên cơ hữu và hợp đồng dài hạn là thạc sĩ) + 2 x (Số giảng viên cơ hữu và hợp đồng dài hạn là tiến sĩ)

STT	Nhóm ngành Đào tạo tại trường,	Năm 2007	Năm 2010	Năm 2012
1	Kỹ thuật, công nghệ, nông lâm ngư, thủy lợi, khoa học tự nhiên, giao thông, xây dựng, mỏ địa chất	≤ 20	≤ 17	≤ 15
2	Kinh tế, tài chính, ngân hàng, văn hóa, du lịch, báo chí, thư viện, khoa học xã hội nhân văn, pháp lý, hành chính	≤ 25	≤ 22	≤ 17
3	Sư phạm	≤ 22	≤ 18	≤ 14
4	Nghệ thuật, thể dục thể thao	≤ 15	≤ 12	≤ 9

Riêng cán bộ phục vụ giảng dạy và cán bộ hành chính xác định 90 SV chính quy/ CB.

Từ quy định trên dự kiến tỷ lệ sinh viên trên giảng viên quy đổi của Trường Đại học Nông Lâm TP.HCM theo bảng sau:

Năm	2010	2011	2012	2013	2014	2015	2016	2017	2018	2019	2020
Tỷ lệ: SV/GV	19	18	17	16	15	14	14	14	14	14	14

Bảng 4.12 . Nhu cầu cán bộ đại học cho đến năm 2020

Năm	Quy mô Sinh viên (*)	Cán bộ - Công chức		
		CBGD	PVGD+QLHC	Tổng cộng
2010	28428	632	253	885
2011	32204	707	294	1,001
2012	34232	790	315	1,105
2013	35151	892	337	1,229
2014	37519	1,011	360	1,371
2015	38237	1,156	385	1,541
2016	38490	1,167	385	1,552
2017	38795	1,182	385	1,567
2018	39159	1,202	385	1,587
2019	39595	1,227	385	1,612
2020	40120	1,249	385	1,634

(*) Quy mô sinh viên bao gồm: Sau đại học, Đại học, cao đẳng , trung cấp.

Căn cứ Công văn số 1325/BGDĐT- KHTC ngày 09/02/2007 của Bộ Giáo dục

và Đào tạo: *V/v hướng dẫn xác định số sinh viên, học sinh quy đổi trên 1 giảng viên, giáo viên quy đổi.*

" Các cơ sở đào tạo cao học trong 1 năm chỉ được đào tạo số học viên cao học tối đa bằng 4 lần số giảng viên quy đổi về giảng viên có trình độ tiến sĩ."

Theo kế hoạch đào tạo sau đại học (bảng 4.13) của trường sẽ tăng và đến năm 2020 đào tạo sau đại học đạt 3150 học viên. Do vậy để đáp ứng nhu cầu đào tạo sau đại học, dự kiến kế hoạch phát triển cán bộ giáo dục đến năm 2020 như sau:

Bảng 4.13. Kế hoạch phát triển CBGD có trình độ sau đại học đến năm 2020

Năm	Số lượng CBGD	Cán bộ giảng dạy có trình độ sau đại học					
		Số lượng	Tỷ lệ (%)	Tiến sĩ		Thạc sĩ	
				Số lượng	Tỷ lệ (%)	Số lượng	Tỷ lệ (%)
2010	632	338	53.48	111	17.56	227	35.92
2011	707	424	60.00	141	20.00	283	40.00
2012	790	521	66.00	166	21.00	355	45.00
2013	892	615	69.00	196	22.00	419	47.00
2014	1,011	728	72.00	233	23.00	496	49.00
2015	1,156	855	74.00	277	24.00	578	50.00
2016	1,167	875	75.00	292	25.00	584	50.00
2017	1,182	899	76.00	307	26.00	591	50.00
2018	1,202	925	77.00	325	27.00	601	50.00
2019	1,227	957	78.00	343	28.00	613	50.00
2020	1,249	999	80.00	375	30.00	625	50.00

Bảng 4.14: Quy mô phát triển nguồn cán bộ giảng dạy tại các đơn vị đào tạo

Stt	Tên Đơn vị đào tạo	Năm 2010				Năm 2015				Năm 2020			
		TS	ThS	ĐH	Tổng	TS	ThS	ĐH	Tổng	TS	ThS	ĐH	Tổng
1	Khoa Nông học	11	17	12	***40***	21	29	8	**58**	26	33	7	***66***
2	Khoa Chăn nuôi thú y	22	26	19	***67***	33	40	7	**80**	37	42	10	***89***
3	Khoa Thủy sản	7	20	9	***36***	14	27	13	**54**	20	31	11	***62***
4	Khoa Lâm nghiệp	14	24	14	***52***	23	35	12	**70**	28	39	11	***78***
5	Khoa Công nghệ môi trường	8	15	19	***42***	16	47	31	**94**	26	53	27	***106***
6	Khoa Công nghệ thực phẩm	7	15	9	***31***	16	34	18	**68**	23	38	15	***76***
7	Khoa Cơ khí công	5	26	17	***48***	13	40	27	**80**	22	45	23	***90***

	nghệ												
8	Khoa Công nghệ thông tin	1	11	6	***18***	9	20	11	**40**	13	22	9	***44***
9	Khoa Kinh tế	10	30	13	***53***	25	79	54	**158**	45	97	52	***194***
10	Khoa Quản lý đất đai	2	7	15	***24***	12	45	33	**90**	22	51	29	***102***
11	Khoa Ngoại ngữ	4	17	17	***38***	12	27	15	**54**	18	31	13	***62***
12	Bộ môn Công nghệ sinh học	1	3	12	***16***	8	12	4	**24**	16	14	5	***35***
13	Bộ môn Công nghệ Hóa học	1	2	10	***13***	7	8	5	**20**	12	9	5	***26***
14	Khoa Khoa Học	2	16	16	***34***	9	23	15	**47**	15	31	16	***62***
15	Bộ Môn Lý Luận Chính Trị	5	2	0	***7***	12	4	0	**16**	16	4	0	***20***
	Tổng cộng	100	231	188	**478**	230	470	253	**953**	339	540	233	**1112**

4.6. CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN HỢP TÁC TRONG NƯỚC VÀ QUỐC TẾ

4.6.1. Mục tiêu của chiến lược

Tăng cường và mở rộng hợp tác đào tạo, nghiên cứu và ứng dụng khoa học công nghệ với các tổ chức quốc tế nhằm tăng cường năng lực đào tạo, nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ, đạt chuẩn giáo dục đại học tiên tiến; đồng thời tham gia đào tạo nguồn nhân lực cho khu vực và thế giới.

4.6.2. Định hướng phát triển

- Tiếp tục phát huy thế mạnh hợp tác quốc tế hiện có của Trường. Tăng cường liên kết đào tạo và nghiên cứu khoa học với các viện nghiên cứu, trường đại học, các tổ chức chính phủ, phi chính phủ trên cơ sở mối quan hệ hợp tác truyền thống đã có

- Xây dựng chiến lược hội nhập quốc tế. Tích cực tìm kiếm các chương trình hợp tác quốc tế. Đặc biệt tập trung tìm kiếm các đối tác mới tại khu vực Châu Á.

- Tăng cường tiếp xúc, làm việc với các lĩnh sự quán các nước tại TP. Hồ Chí Minh, các tổ chức quốc tế, các đối tác tiềm năng có văn phòng đại diện tại Việt Nam để tranh thủ sự ủng hộ cũng như tìm các nguồn kinh phí từ các tổ chức này.

- Xây dựng và đẩy mạnh các chương trình đào tạo tiên tiến, đào tạo song ngữ bậc đại học và sau đại học với các viện, trường đại học có uy tín trên thế giới. Liên kết đào tạo dưới nhiều hình thức.

- Mở các khóa bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ viên chức của trường về kiến thức và kỹ năng viết dự án, đấu thầu, quản lý, giám sát và đánh giá các dự án quốc tế.

Chương VI
KẾT LUẬN

Chiến lược phát triển Trường Đại học Nông Lâm TP. HCM giai đoạn 2011 - 2020 được xây dựng trên cơ sở hệ thống các văn bản, chỉ thị, nghị quyết của Đảng, Nhà nước và của Bộ Giáo dục và đào tạo, trên nền tảng bối cảnh hiện trạng và tương lai của vùng Đông Nam Bộ, chiến lược phát triển giáo dục Việt Nam giai đoạn 2011 - 2020 và thực trạng của Trường Đại học Nông Lâm TP. HCM. Có thể khẳng định việc xây dựng kế hoạch chiến lược phát triển của Trường là rất cần thiết và phù hợp với xu hướng phát triển của xã hội, của nền giáo dục đại học Việt Nam. Nội dung của chiến lược đảm bảo tính khoa học, tính thực tiễn và tính khả thi.

Chiến lược phát triển Trường Đại học Nông Lâm TP. HCM giai đoạn 2011 - 2020 được Bộ Giáo dục và đào tạo phê duyệt sẽ là cơ sở pháp lý cần thiết để Trường Đại học Nông Lâm TP. HCM tiến hành triển khai thực hiện các nội dung của chiến lược nhằm đạt được các mục tiêu chiến lược của Nhà trường.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nghị quyết Hội nghị lần thứ 2 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam khóa VIII.

2. Luật Giáo dục 2005 và Luật Sửa đổi, bổ sung Luật Giáo dục năm 2009. NXB Chính trị quốc gia. Hà Nội.

3. Luật Khoa học và Công nghệ (Số 21/2000/QH10 ngày 09/6/2000).

4. Nghị quyết số: 14/2005/NQ-CP ngày 2/11/2005 của Chính Phủ về đổi mới cơ bản và toàn diện giáo dục đại học Việt Nam giai đoạn 2006 - 2020.

5.Quyết định số 58/2010/QĐ-TTg ngày 22 tháng 9 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc Ban hành "Điều lệ trường đại học";

6. Bộ Giáo dục và Đào tạo. 2010. Đổi mới quản lý hệ thống giáo dục đại học giai đoạn 2010 - 2012. Nhà xuất bản Giáo dục.

7. Bộ Giáo dục và Đào tạo. Chiến lược phát triển giáo dục giai đoạn 2009-2020.

8. Bộ Giáo dục và Đào tạo. Công văn số 1325/BGDĐT- KHTC ngày 09/02/2007 *V/v hướng dẫn xác định số sinh viên, học sinh quy đổi trên 1 giảng viên, giáo viên quy đổi.*

9. Dự thảo Kế hoạch chiến lược phát triển khoa Cơ khí Công nghệ 2009-2010. 2009. Khoa Cơ khí Công nghệ trường Đại học Nông Lâm TP.HCM+

10. Học viện Quản lý Giáo dục. 2010. Tài liệu bồi dưỡng cán bộ quản lý, công chức nhà nước ngành giáo dục và đào tạo. Phần 3. Các hoạt động quản lý giáo dục và đào tạo ở trường đại học cao đẳng. Hà Nội.

11. Nguyễn Văn Cường. 2009. Một số vấn đề về tiềm năng phát triển vùng kinh tế trọng điểm phía Nam. Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia.

12. Tiêu chuẩn về thiết kế trường đại học TCVN 3891-1985.

13. Tiêu chuẩn thiết kế nhà ở sinh viên số 14/2009/TT-BXD.

14. Trường Đại học Nông Lâm TP.HCM. 2009. Dự thảo Quy định chế độ làm việc của giảng viên. TP.HCM.